TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2024/TLST - HNGĐ ngày 30/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản L, xã C B, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, chị Tưởng và anh Mở đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn M.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M có 02 con chung là: Cháu Lò Văn M, sinh ngày 04/4/2004 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007.

Cháu Lò Văn M đã trưởng thành, không bệnh tật và có khả năng lao động. Hiện tại cháu Lò Văn Đ sống chung với anh Lò Văn M và anh Lò Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đại từ năm 2016 cho đến nay.

Chị Lò Thị T đi làm thuê xa, chị Lò Thị T đề nghị giao cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007 cho anh Lò Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lò Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, anh Mở và chị Tưởng đã sống ly thân đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn M, anh Mở nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Về con chung: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị T có 02 con chung là: Cháu Lò Văn M, sinh ngày 04/4/2004 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007.

Cháu Lò Văn M đã trưởng thành, không bệnh tật và có khả năng lao động. Hiện tại cháu Lò Văn Đ sống chung với anh Lò Văn M và anh Lò Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đại từ năm 2016 cho đến nay.

Anh Lò Văn M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn M không yêu cầu chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Lò Văn Đ.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn M cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2024 tại chính quyền địa phương: Chị Lò Thị T có hộ khẩu thường trú tại bản Ca, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; anh Lò Văn M có hộ khẩu thường trú tại bản Lét Trạng, xã C

B, huyện TC, tỉnh Sơn La, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 và không đăng ký kết hôn với nhau cho đến nay, hiện tại chị Tưởng và anh Mở đã sống ly thân. Anh Lò Văn M và chị Lò Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Lò Văn M, sinh ngày 04/4/2004 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007. Cháu Lò Văn M đã trưởng thành, tự lập, không bệnh tật và có khả năng lao động. Hiện tại cháu Lò Văn Đ sống chung với anh Lò Văn M tại bản Lét Trạng, xã C B, huyện TC.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007 có nguyện vọng là ở với bố.

Chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Tưởng giữ nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai.

Anh Lò Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Mở giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn M.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M có 02 (hai) con chung là: Cháu Lò Văn M, sinh ngày 04/4/2004 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007. Cháu Lò Văn M đã trưởng thành, không bệnh tật và có khả năng lao động.

Giao cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007 cho anh Lò Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Lò Văn M không yêu cầu).

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn M có nơi thường trú tại bản Lét Trạng, xã C B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lò Văn M: Nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lò Văn M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 và không đăng ký kết hôn. Chị Tưởng yêu cầu ly hôn anh Lò Văn M. Anh Lò Văn M nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Xét thấy: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M có 02 (hai) con chung là: Cháu Lò Văn M, sinh ngày 04/4/2004 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007. Cháu Lò Văn M đã trưởng thành, tự lập, không bệnh tật và có khả năng lao động. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M đều thừa nhận cháu Lò Văn Đ đều được anh Lò Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục từ ngày vợ chồng sống ly thân (năm 2016) cho đến nay.

Chị Lò Thị T đi làm thuê xa, chị Lò Thị T đề nghị giao cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007 cho anh Lò Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và

giáo dục. Anh Lò Văn M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007.

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tưởng, anh Mở đều có nơi cư trú rõ ràng. Anh Lò Văn M làm trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập, anh Mở đảm bảo đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến cháu Lò Văn Đ có nguyện vọng là ở với bố.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền, lợi ích của con, sự phát triển về thể chất, giao cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007 cho anh Lò Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lò Văn Đ (anh Lò Văn M không yêu cầu).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn M cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M có 02 (hai) con chung là: Cháu Lò Văn M, sinh ngày 04/4/2004 và cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007. Cháu Lò Văn M đã trưởng thành, tự lập, không bệnh tật và có khả năng lao động.

Giao cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 20/7/2007 cho anh Lò Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con,

không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Lò Văn M không yêu cầu).

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M cam đoan không có nợ chung.

6. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001866, ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng